

Số: 340/2026/QĐST-HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THANH HÓA

Căn cứ vào các Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án”.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 364/2026/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người yêu cầu giải quyết việc dân sự sau đây:

- Anh Trịnh Anh T; sinh năm: 1990; Số CCCD: 038090043379, cấp ngày 02/4/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

- Chị Trịnh Thị T; sinh năm: 1990; Số CCCD: 038190047038, cấp ngày 05/6/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã Yên Trường, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Anh T và chị Trịnh Thị T chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Bái, huyện Yên Định (nay là xã Yên Trường), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 13/7/2017, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T công tác và sinh sống xa gia đình dẫn đến tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung; vợ chồng cũng nhiều lần tự hòa giải nhưng vẫn không thể cải thiện được, nay xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T, chị T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, xét thấy yêu cầu của anh T, chị T là tự nguyện, phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Anh Trịnh Anh T và chị Trịnh Thị T công nhận vợ chồng có hai con chung là Trịnh Hoài Phúc An, sinh ngày 27/11/2017 và Trịnh Đức Phúc, sinh ngày 19/12/2024. Khi ly hôn anh T, chị T thỏa thuận giao cả hai cháu An và Phúc cho anh chị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2026 cho đến khi cháu An, cháu Phúc đủ 18 tuổi, anh T có quyền qua lại thăm nom các con không ai được ngăn cấm, cản trở. Việc anh T, chị T tự nguyện thỏa thuận về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, công nợ: Anh Trịnh Anh T và chị Trịnh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Trịnh Anh T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí Tòa án theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Anh T và chị Trịnh Thị T.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Anh Trịnh Anh T và chị Trịnh Thị T công nhận vợ chồng có hai con chung là Trịnh Hoài Phúc An, sinh ngày 27/11/2017 và Trịnh Đức Phúc, sinh ngày 19/12/2024. Khi ly hôn giao cháu An và Phúc cho anh chị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T phải cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2026 cho đến khi cháu An, cháu Phúc đủ 18 tuổi. Anh T có quyền qua lại thăm nom các con không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ:

Anh Trịnh Anh T và chị Trịnh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trịnh Thị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí việc dân sự là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị T đã nộp tiền tạm ứng lệ phí Tòa án 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số: 0000574 ngày 17/7/2026, số tiền này được trừ vào số tiền lệ phí Tòa án mà chị T phải nộp, theo đó chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- UBND xã Yên Trường;
- Lưu hồ sơ vụ án.



THẨM PHÁN

Hoàng Văn Long